

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lan A; ĐKKHKT: Thôn Nứa, xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Kinshi 3-11-9, SOTO KAWA 201, quận Sumida, thành phố Tokyo, Nhật Bản; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đinh Văn B; nơi cư trú: Thôn 1, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:*

Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 02 năm 2019. Sau kết hôn, thực tế vợ chồng không chung sống cùng nhau

do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn B.

Về con chung: Anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là anh Đinh Văn B:*

Theo biên bản xác minh và biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh B là bà Nguyễn Thị Nữ ngày 05/8/2022 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 02 năm 2019. Sau khi kết hôn, chị A và anh B sang Nhật Bản sinh sống cùng nhau được khoảng 03 tháng thì anh B trở về Việt Nam sinh sống cùng gia đình tại Thôn 1, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng cho đến nay. Theo bà được biết thực tế vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không có con chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà nghe anh B nói chị A muốn ly hôn thì Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho anh và chị A được ly hôn. Về con chung và tài sản chung: Anh B và chị A không có. Anh B đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án tuy nhiên anh B không đến Tòa án để làm việc. Tòa án cũng đến tận nhà nhưng anh B không gặp và không hợp tác giải quyết việc chị A xin ly hôn.

***Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 288.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân một thời gian dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Đinh Văn B. Về con chung và về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn là anh Đinh Văn B hiện nay đang sinh sống ở Hải Phòng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan A hiện nay đang sinh sống tại Nhật Bản, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lan A có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đinh Văn B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 02 năm 2019. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh, biên bản làm việc tại chính quyền địa phương, nhận thấy: Sau khi kết hôn, chị A và anh B chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có con chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2020 đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có tiếng nói chung nên muốn ly hôn với anh B. Anh B không có ý kiến, quan điểm trình bày cho Tòa án về việc chị A muốn ly hôn với anh. Mẹ đẻ anh B là bà Nguyễn Thị Nữ ở cùng nhà với anh B trình bày anh B nói không muốn làm việc với Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị A ly hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, tình cảm của chị A đối với anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị đã ly thân trong thời gian dài, do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan A.

[3] Về con chung: Chị A khai chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Đinh Văn B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Đinh Văn B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000445 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Lan A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Lan A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Đinh Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết      Nguyễn Thị Mai Vinh**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đỗ Xuân Quyết      Vũ Thị Minh Nguyệt**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**